B16-9-1

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B16 | Round 9 | Date 2026.8.28 | Board 1

WHITE Wei, Yuren | FED CHN | RESULT (W) 0

BLACK Zhong, Taoyu | FED CHN | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Re4	bC	41	gf	Qd7	61		
2	c4	e6	22	Qe2	Be4	42	Kf3	Qd2	62		
3	Nf3	c6	23	Qe1	a5	43	Qd1	cd	63		
4	Qc2	Nf6	24	Nc3	Bb7	44	Kf3	Bc3	64		
5	g3	dc	25	b5	Nc5	45	Rd1	a4	65		
6	Qc4	b5	26	Bh1	Nb3	46	Ke3	a3	66		
7	Qc2	Bb7	27	Qb2	Nd5	47	Kd3	Bb2	67		
8	Bg2	Nbd7	28	Nd5	Bd4	48	Ke2	Bc1	68		
9	Nc3	a6	29	Bd4	Nd4	49	Kd3	g5	69		
10	0-0	c5	30	Nd4	Bh1	50	f3	Kg5	70		
11	dc	Bc5	31	Rh1	c3	51	Rf1	Kh4	71		
12	a3	Rc8	32	Qc2	Ba2	52	e5	Kh3	72		
13	Qd3	Qb6	33	Nc6	Rc8	53	Ra2	Kg2	73		
14	b4	Be7	34	bc	Qc6	54	Rd1	h5	74		
15	Be3	Qc7	35	Rd1	g6	55	Kf1	h4	75		
16	Rac1	Qb8	36	Ra1	Bb4	56	Ra2	h3	76		
17	h3	0-0	37	c4	f8	57	Kf1	h2	77		
18	Rfd1	Qa8	38	Kg2	Kf6	58	Ra1	h1=Q	78		
19	Kh2	Re4	39	f4	e5	59	Rh1	Kh1	79		
20	Nb1	R8c8	40	Kf3	ef	60			80		

SIGNATURE (WHITE) Wei Yuren | SIGNATURE (BLACK) Zhong Taoyu | SIGNATURE (ARBITER) Cao

B-16-9-1

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B16 | Round 9 | Date 2026.8.29 | Board 1

WHITE Wei Yuren | FED CHN | RESULT (W) 0

BLACK Zhong Tao Yu | FED CHN | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d6	21	Re4	bC	41	gf	Qd7	61		
2	c4	e6	22	Qc2	Be4	42	Kg3	Qd2	62		
3	Nf3	c6	23	Qc1	a5	43	Qd2	cd	63		
4	Qc2	Nf6	24	Nc3	Bb7	44	Kf3	Bc3	64		
5	g3	dc	25	b5	Nc5	45	Rd1	a4	65		
6	Qc4	b5	26	Bh1	Nb3	46	Ke3	a3	66		
7	Qc2	Bb7	27	Qb2	Nd5	47	Kd3	Bb2	67		
8	Bg2	Nbd7	28	Nd5	Bc5	48	Kc2	Bc1	68		
9	Nc3	a6	29	Bd4	Nd4	49	Kf3	g5	69		
10	0-0	c5	30	Nd4	Bh1	50	f3	Kg5	70		
11	dc	Bc5	31	Rh1	c3	51	Rf1	Kh4	71		
12	a3	Rc8	32	Qc2	Ba3	52	e5	Kh3	72		
13	Bd3	Qb6	33	Nc6	Rc6	53	Ra2	Kg2	73		
14	b4	Be7	34	bc	Qc6	54	Rd1	h5	74		
15	Be3	Qc7	35	Rd1	g6	55	Rc1	h4	75		
16	Rac1	Kf8	36	Ra1	Bb4	56	Ra2	h3	76		
17	h3	0-0	37	c4	Kg7	57	Kb1	h2	77		
18	Rfd1	Rad8	38	Kg2	Kf6	58	Ka2	h1=Q	78		
19	Kh2	Rc4	39	f4	e5	59	Rh1	Kh1	79		
20	Nb1	R4c8	40	Kf3	ef	60			80		

SIGNATURE (WHITE) Wei Yuren | SIGNATURE (BLACK) Zhong Taoyu | SIGNATURE (ARBITER) Cao

B16-9-2
12408

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: B16 | Round: 9 | Date: Aug. 29, 2026 | Board: 2

WHITE	Tenguundalai, Ganbat	FED MGL	RESULT (W) 1
BLACK	Piel, Jaymiel	FED PHI	RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Nxg5	g6	41	Qg3	Rd7	61		
2	c4	e6	22	Nxg6	Rfc	42	f4	Bd8	62		
3	Nf3	d5	23	Be4	Bf8	43	f5	Bb6	63		
4	g3	Bb4+	24	Ne5	Nab4	44	Kh2	Bd4	64		
5	Nbd2	dxc4	25	Qb1	Bc8	45	Qf4	c5	65		
6	Bg2	b5	26	Bh7+	Kg7	46	Qg5	Kh7	66		
7	a4	c6	27	Bg6	Rxg6	47	Kf1	exf5	67		
8	0-0	a5	28	Nxg6	Kg8	48	e6	Be5+	68		
9	Ne5	Nd5	29	e4	Nf6	49	Nxe5	Qe6	69		
10	Ne4	0-0	30	e5	Nf5	50	Qg6+	Qxg6+	70		
11	Bd2	f6	31	Qe4	Nd3	51	hxg6		71		
12	Nf3	Qe7	32	Nh3	Qf7	52			72		
13	Qc2	Na6	33	b3	N3b4	53			73		
14	h4	Bd7	34	bxa4	bxc4	54			74		
15	g4	f5	35	Nhxf4	Nc3	55			75		
16	Bg5	Qe8	36	Qe3	Bh6	56			76		
17	Ng3	f4	37	Qc3	Bxf4	57			77		
18	Ne4	h6	38	Rfd1	Ba6	58			78		
19	Ne5	Ra7	39	Rab1	Rb7	59			79		
20	h5	hxg5	40	Qf3	Bg5	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B16-9-2
12408

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: U16 | Round: 9 | Date: 2026.8.29 | Board: 2

WHITE	Tenguundalai, Ganbat	FED MGL	RESULT (W) 1
BLACK	Piel, Jaymiel	FED PHI	RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Ng5	g6	41	Qg3	Rd7	61		
2	c4	e6	22	Ng6	Rfc	42	f4	Bd8	62		
3	Nf3	d5	23	Be4	Bf8	43	f5	Bb6	63		
4	g3	Bb4	24	Ne5	Nab4	44	Kh2	Bd4	64		
5	Nbd2	dc	25	Qb1	Bc8	45	Qf4	c5	65		
6	Bg2	b5	26	Bh7	Kg7	46	Qg5	Kh2	66		
7	a4	c6	27	Bg6	Rg1	47	Rf1	e4	67		
8	0-0	a5	28	Ng6	Kg8	48	e6	Be5	68		
9	Ne5	Nd5	29	e4	Nf6	49	Ne5	Qe6	69		
10	Ne4	0-0	30	e5	Nd5	50	Qg6	Kg6	70		
11	Bd2	f6	31	Qe4	Nd3	51	hg		71		
12	Nf3	Qe7	32	Nh3	Kf7	52			72		
13	Qc2	Na6	33	b3	N3b4	53			73		
14	h4	Bd7	34	bc	bc	54			74		
15	g4	f5	35	Nhf4	Nc3	55			75		
16	Bg5	Qe8	36	Qe3	Bh6	56			76		
17	Ng3	f4	37	Qc3	Bf4	57			77		
18	Ne4	h6	38	Rfd1	Ba6	58			78		
19	Ne5	Ra7	39	Rab1	Rb7	59			79		
20	h5	hg	40	Qf3	Bg5	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B16-9-3

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B16
Round 9
Date 2026.03.30
Board 3

WHITE Shen Fuyan — FED — RESULT (W) 1
BLACK Dang Thai Vu — FED — RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qa7	Bc5	41			61		
2	c4	dc	22	Rac1	Bd4	42			62		
3	e4	e5	23	Rc6	Rd7	43			63		
4	Nf3	ed	24	Qa6		44			64		
5	Bc4	Bb4	25			45			65		
6	Nbd2	Nc6	26			46			66		
7	0-0	Nf6	27			47			67		
8	e5	Nd5	28			48			68		
9	Nb3	Nb6	29			49			69		
10	Bb5	Qd5	30			50			70		
11	Bc6	Qc6	31			51			71		
12	Nbd4	Qg6	32			52			72		
13	N5	0-0	33			53			73		
14	Nc7	Rb8	34			54			74		
15	Qb3	Be7	35			55			75		
16	Bf4	Bd7	36			56			76		
17	e6	Bc6	37			57			77		
18	Bg3	Bf3	38			58			78		
19	Qf3	Rb8	39			59			79		
20	Qb7	fe	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) SIGNATURE (BLACK) SIGNATURE (ARBITER)

B16-9-3

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B16
Round 9
Date 29.3
Board 3

WHITE Shen Fuyan — FED CHN — RESULT (W) 1
BLACK Dang Thai Vu — FED VIE — RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qa7	Bc5	41			61		
2	c4	dc	22	Rac1	Bd4	42			62		
3	e4	e5	23	Rc6	Rc7	43			63		
4	Nf3	ed	24	Qa6		44			64		
5	Bc4	Bb4	25			45			65		
6	Nbd2	Nc6	26			46			66		
7	0-0	Nf6	27			47			67		
8	e5	Nd5	28			48			68		
9	Nb3	Nb6	29			49			69		
10	Bb5	Qd5	30			50			70		
11	Bc6	Qc6	31			51			71		
12	Nbd5	Qg6	32			52			72		
13	Nbd5	0-0	33			53			73		
14	Nc7	Xb8	34			54			74		
15	Qb3	Be7	35			55			75		
16	Bf4	Bd7	36			56			76		
17	e6	Bc6	37			57			77		
18	Bg3	Bf3	38			58			78		
19	Qf3	Rb8	39			59			79		
20	Qb7	Fe	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) SIGNATURE (BLACK) SIGNATURE (ARBITER)

B16-9-4 12:07

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B16 | Round 9 | Date 2/18 | Board 4

WHITE Miao Zixin | FED CHN | RESULT (W) 1
BLACK S.Tharvin | FED | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Nd3	Qh5	41	a5	Qb3	61	g3	Ra3
2	c4	e6	22	Nf4	Qa5	42	Qc4	Qb1+	62	Rf6+	Kg7
3	g3	b6	23	c5	Nd5	43	Rc1	Qb2	63	Kg4	Ra4
4	Bg2	d5	24	Nd5	Rd5	44	Kd1	h5	64	Kf5	Ra3
5	Nf3	Bb4+	25	c6	Qc7	45	Qd4	Rf8 Qf4	65	f4	Ra5
6	Bd2	Be7	26	Qc4	h5	46	Rd4	Rc7	66	e5	Ra4
7	0-0	0-0	27	Rf1	Rc8	47	b5	ab	67	g6	f7
8	Qc2	Bb7	28	Bd4	Qe5	48	Rc4	Rc1	68	Rg6	Kf7
9	Ne5	c5	29	Rd5	ed	49	Kf2	Rb1	69	Rb6	Ra7
10	de	bc	30	Qc2	h4	50	Rh4	Rb6	70	Rb4	Re7
11	Nc3	Qb6	31	c7	h3	51	Rh3	g5	71	Ke4	Ra7
12	b3	Rd8	32	Kf1	g6	52	g4	Rb8	72	f5	Kg7
13	Rac1	Na6	33	f3	Kh7	53	Rh5	Kg6	73	Kf4	Ra1
14	Na4	Qc7	34	b4	Qe6	54	h4	g4	74	Rb7	Kf8
15	Nd3	d4	35	a4	d4	55	Rh4	Rb4	75	Kg5	Ke8
16	Ba5	Qa5	36	Qc4	Qe7	56	Rh5	Ra4	76	e6	Kd8
17	Bb7	Rb8	37	b5	Kg8	57	Rd5	Rb4	77	Kf6	Ra8
18	Bab	Qab	38	Qc5	Qe3	58	e4	Rb3	78	Rb1	Ke8
19	Nd5	Bc6	39	Rc4	Re8	59	Kg3	Ra3	79	Rd6	Ra7
20	Nc5	Qa5	40	Rc2	Rc8	60	Kf4	Ra4	80	e7	Ke7

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B16-9-4 12:07

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B16 | Round 9 | Date | Board 4

WHITE Miao Zixin | FED CHN | RESULT (W) 1
BLACK S_Tharvin | FED MAS | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Ke6		21			41			61		
2			22			42			62		
3			23			43			63		
4			24			44			64		
5			25			45			65		
6			26			46			66		
7			27			47			67		
8			28			48			68		
9			29			49			69		
10			30			50			70		
11			31			51			71		
12			32			52			72		
13			33			53			73		
14			34			54			74		
15			35			55			75		
16			36			56			76		
17			37			57			77		
18			38			58			78		
19			39			59			79		
20			40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B16-9-4 12:07

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B16 | Round 9 | Date 8.29 | Board 4

WHITE Miao, Zixin | FED | RESULT (W) 1
BLACK Shiva Shanmugam, Tharvin | FED | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Nd3	Qh5	41	a5	Qb3	61	g5	Ra3
2	c4	eb	22	Nf4	Qa5	42	Qc4	Qb1	62	Rd6	Kg7
3	g3	b6	23	c5	Nd5	43	Rc1	Qb2	63	Kg4	Ra4
4	Bg2	d5	24	Nd5	Rd5	44	Rd1	Kg7	64	Kf5	Ra3
5	Nf3	Bb4+	25	c6	Qc7	45	Qd4	Rf8 Qf4	65	f4	Ra5
6	Bd2	Be7	26	Qc4	h5	46	Rd4	Rc7	66	e5	Ra4
7	0-0	0-0	27	Rf1	Rc8	47	b5	ab	67	g6	f7
8	Qc2	Bb7	28	Bd4	Qe5	48	Rc4	Rc1	68	Rg6	Kf7
9	Ne5	c5	29	Rd5	ed	49	Kf2	Rb1	69	Rb6	Ra7
10	de	bc	30	Qc2	h4	50	Rh4	Rb6	70	Rb4	Re7
11	Nc3	Qb6	31	c7	h3	51	Rh3	g5	71	Ke4	Ra7
12	b3	Rd8	32	Kf1	g6	52	g4	Rb8	72	f5	Kg7
13	Rac1	Na6	33	f3	Kh7	53	Rh5	Kg6	73	Kf4	Ra1
14	Na4	Qc7	34	b4	Qe6	54	h4	g4	74	Rb7	Kf8
15	Nd3	d4	35	a4	d4	55	Rh4	Rb4	75	Kg5	Ke8
16	Ba5	Qa5	36	Qc4	Qe7	56	Rh5	Ra4	76	e6	Kd8
17	Bb7	Rb8	37	b5	Kg8	57	Rd5	Rb4	77	Kf6	Ra8
18	Bab	Qab	38	Qc5	Qe3	58	e4	Rb3	78	Rb1	Ke8
19	Nd5	Bc6	39	Rc4	Re8	59	Kg3	Ra3	79	Rd6	Ra7
20	Nc5	Qa5	40	Rc2	Rc8	60	Kf4	Ra4	80	e7	Ke7

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B16-9-4 12:01

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B16 | Round 9 | Date 8.29 | Board 4

WHITE Miao, Zixin | FED | RESULT (W) 1
BLACK Shiva Shanmugam, Tharvin | FED | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Re6	Re6	21			41			61		
2	ke6	Kf8	22			42			62		
3	Kf6	Kg8	23			43			63		
4	Ke7	Kg7	24			44			64		
5	f6	Kg6	25			45			65		
6	f7	Kh7	26			46			66		
7	f8=Q		27			47			67		
8			28			48			68		
9			29			49			69		
10			30			50			70		
11			31			51			71		
12			32			52			72		
13			33			53			73		
14			34			54			74		
15			35			55			75		
16			36			56			76		
17			37			57			77		
18			38			58			78		
19			39			59			79		
20			40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B16-9-5

11:20

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: B16
Round: 9
Date:
Board: 5

WHITE: Duurenkhishig, FED: MGL RESULT (W): 1/2
BLACK: Thirot As Syahsyah Syalcish FED: INA RESULT (B): 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Qd8	Rd8	41			61		
2	Bf4	g6	22	c3	e5	42			62		
3	~~Nf3~~	d5	23	dxe5	Be5	43			63		
4	e3	a6	24	Rad1	Rd6	44			64		
5	h4	h5	25	Rd6	Rd6	45			65		
6	Nf3	Bg7	26	Nd4	Bd4	46			66		
7	Be2	c5	27	cd4	Rd4	47			67		
8	0-0	cd4	28	Re7	Rb4	48			68		
9	ed4	0-0	29	b3	Kg7	49			69		
10	Ne5	Nc6	30	Kf1	a5	50			70		
11	Bf3	Bf5	31	Ke2	b5	51			71		
12	Re1	Re8	32	Rb7	a4	52			72		
13	Qd2	Rc8	33	b4	Ra4	53			73		
14	Nc6	Rc6	34	Rb5		54			74		
15	Be5	e6	35			55			75		
16	Ra1	Kh7	36			56			76		
17	Ne2	Be4	37			57			77		
18	Bf6	Qf6	38			58			78		
19	Be4	de4	39			59			79		
20	Qg5	Qd8	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE): Duurenkhishig
SIGNATURE (BLACK):
SIGNATURE (ARBITER):

B16-9-5

11:20

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: B16.
Round: 9.
Date:
Board: 5

WHITE: ~~Duurenkhishig~~ Thirot As Syahsyah Syalcish FED: MGL RESULT (W): 1/2
BLACK: ~~Thirot~~ As Syahsyah Syalcish FED: INA RESULT (B): 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4.	Nf6.	21	Qd8.	Rd8.	41			61		
2	Bf4.	g6.	22	c3.	e5.	42			62		
3	Nc3	d5..	23	dx.	dxe5.	43			63		
4	e3.	a6.	24	Rad1.	Rd6.	44			64		
5	h4..	h5.	25	Rd6.	Rd6.	45			65		
6	Nf3	Bg7	26	Nd4.	Bd4.	46			66		
7	Be2.	c5..	27	cd.	Rd4.	47			67		
8	0-0	cd.	28	Re7	Rb4.	48			68		
9	cd.	0-0.	29	b3	Kg7.	49			69		
10	Ne5.	Nc6.	30	Kf1	a5..	50			70		
11	Bf3.	Bf5.	31	Ke2	b5.	51			71		
12	Re1	Re8.	32	Rb7.	a4.	52			72		
13	Qd2.	Rc8.	33	ba	Ra4	53			73		
14	~~Nc6~~.	~~Rc6~~.	34	Rb5		54			74		
15	~~Be5~~	e6	35	1/2		55			75		
16	Ra1.	Kh7.	36			56			76		
17	Ne2.	Be4.	37			57			77		
18	Bxf6.	Qxf6.	38			58			78		
19	Be4.	de.	39			59			79	/	
20	Qg5	Qd8	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE): Duurenkhishig
SIGNATURE (BLACK):
SIGNATURE (ARBITER):

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group U16
Round 9
Date 8/29
Board 6

WHITE Shah Krishiv	FED	RESULT (W) –
BLACK Byun jun seok	FED	RESULT (B) +

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1			21			41			61		
2			22			42			62		
3			23			43			63		
4			24			44			64		
5			25			45			65		
6			26			46			66		
7			27			47			67		
8			28			48			68		
9			29			49			69		
10			30			50			70		
11			31			51			71		
12			32			52			72		
13			33			53			73		
14			34			54			74		
15			35			55			75		
16			36			56			76		
17			37			57			77		
18			38			58			78		
19			39			59			79		
20			40			60			80		

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)
	변준석	

B.16-9-7

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group U16 | Round 9 | Date 8.29 | Board 7

WHITE ~~Sun Ch~~ Sun Chang-Jyu | FED | RESULT (W) 1/2

BLACK Gong Bonuonuo | FED | RESULT (B) 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	d6	21	Qf2	Re8	41	Rb3	Qc2	61		
2	d4	Nf6	22	Nce2	e5	42	Qd3	Ra2	62		
3	Nc3	g6	23	Nc1	Bb5	43	Rc2	Rc2	63		
4	h3	Bg7	24	c4	Be8	44	Bc5		64		
5	g4	h6	25	Nd3	Nbd7	45			65		
6	Bg2	c6	26	Ne2	Bf8	46			66		
7	Be3	Qb6	27	Nc3	Nb6	47			67		
8	Rb1	Qc7	28	Nb2	a4	48			68		
9	a4	Nbd7	29	ba	Na4	49			69		
10	Nge2	e5	30	Qc2	Nb2	50			70		
11	0-0	0-0	31	Rb2	Qa6	51			71		
12	Qd2	Kh7	32	Nb5	Qa4	52			72		
13	Rfd1	a6	33	Qd3	Rab8	53			73		
14	f4	Re8	34	Rdb1	Bb5	54			74		
15	fe	de	35	Rb5	Rb5	55			75		
16	~~e5~~ d5	b3 c5	36	Rb5	Ne8	56			76		
17	~~Qd6~~ b3	~~c5~~ Qd6	37	Bf1	Qa2	57			77		
18	b5 a5	~~Qb6~~ b5	38	Bf2	Nd6	58			78		
19	Qb6	~~Nb6~~ Nf3 Nb6	39	Rb6	Rc8	59			79		
20	Ng3	Bd7	40	Qf3	Kg8	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B16-9-7

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B16 | Round 9 | Date | Board 07

WHITE Sun, Chang-Jyu | FED | RESULT (W) 1/2

BLACK Gong, Bonuonuo | FED | RESULT (B) 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	d6	21	Qf2	Re8	41	Rb3	Qc2	61		
2	d4	Nf6	22	Nge2	a5	42	Qd3	Ra2	62		
3	Nc3	g6	23	Nc1	Bb5	43	Qc2	Rc2	63		
4	h3	Bg7	24	c4	Be8	44	Bc5	Nc4	64		
5	g4	h6	25	Nd3	Nbd7	45	Rb8		65		
6	Bg2	c6	26	Ne2	Bf8	46			66		
7	Be3	Qb6	27	Nc3	Nb6	47			67		
8	Rb1	Qc7	28	Nb2	a4	48			68		
9	a4	Nbd7	29	ba	Na4	49			69		
10	Nge2	e5	30	Qc2	Nb2	50			70		
11	0-0	0-0	31	Rxb2	Qa6	51			71		
12	Qd2	Kh7	32	Nb5	Qa4	52			72		
13	Rfd1	a6	33	Qd3	Rab8	53			73		
14	f4	Rfe8	34	Rb1	Bb5	54			74		
15	fe	de	35	Rb5	Rb5	55			75		
16	d5	c5	36	Rxb5	Ne8	56			76		
17	b3	Qa6	37	Bf1	Qa2	57			77		
18	a5	b5	38	Bf2	Nd6	58			78		
19	ab	Nb6	39	Rb6	Rc8	59			79		
20	Ng3	Bd7	40	Qf3	Kg8	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B16-9-8

11:80

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group U16 | Round 9 | Date | Board 8

WHITE Yang Ya cheng | FED | RESULT (W) 0

BLACK Zhou Tony | FED | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qb7	Qb7	41	g4	h2	61		
2	Nf3	g6	22	Rb7	a5	42	h2	Kb4	62		
3	c3	d5	23	Rb5	a4	43	Ke2	Bc3	63		
4	e5	Bg4	24	Bb4	Rc4	44	Kd3	Kb3	64		
5	d4	cd	25	Rab1	Rd8	45	f5	ef	65		
6	cd	Nc6	26	Kd2	Kf7	46	g6	g6	66		
7	Bb5	Re8	27	a3	Rec7	47	Ke3	a3	67		
8	0-0	Bg7	28	Bd4	Rb4	48	Ba3	Ka3	68		
9	Nbd2	f6	29	Rb4	Rc4	49	Kf4	Kb4	69		
10	ef	Nf6	30	Be3	Rb4	50	Kf5	Kc4	70		
11	h3	Bf3	31	ab	Ke6	51	Ke6	Bd4	71		
12	Nf3	0-0	32	Ke2	Kd6	52			72		
13	Bc6	Rc6	33	f4	Kc6	53			73		
14	Ne5	Rc8	34	Kd3	Kb5	54			74		
15	Ng4	Qb6	35	Kc3	a6	55			75		
16	Nf6	Bf6	36	Bc1	Be7	56			76		
17	Be3	Qb2	37	Ba3	Bd6	57			77		
18	Qg4	Qb6	38	g3	h5	58			78		
19	Rfb1	Qa6	39	Bc1	Bb4	59			79		
20	Qd7	Rfe8	40	Kd3	Be1	60			80		

SIGNATURE (WHITE) Yang | SIGNATURE (BLACK) Tony | SIGNATURE (ARBITER)

B16-9-8

17:50

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group U16 | Round 9 | Date 8.29 | Board 08

WHITE yang Ya cheng | FED TPE | RESULT (W) 0

BLACK zhou Tony | FED HKG | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Rxb7	Bxb7	41	g4	hxg4	61		
2	Nf3	g6	22	Rb7	a5	42	hxg4	Kb4	62		
3	c3	d5	23	Rb5	a4	43	Ke2	Bc3	63		
4	e5	Bf4	24	Rb4	Rc4	44	Kd3	Kb3	64		
5	d4	cxd4	25	Rab1	Rd8	45	f5	gxf5	65	0	1
6	cxd4	Nb6	26	Kf1	Kf7	46	gxf5	Ke3	66		
7	Bb5	Rc8	27	a3	Rec7	47	a3	Bxa3	67		
8	0-0	Bg4	28	Bf4	Rxb4	48	Kxa3	Kf4	68		
9	Nbd2	f6	29	Rxb4	Rc4	49	Kb4	Kf5	69		
10	exf6	Nxf6	30	Be2	Rxb4	50	Kc4	Ke5	70		
11	h3	Bxf3	31	Qxb4	Ke6	51			71		
12	Nxf6	0-0	32	Ke2	Kg6	52			72		
13	Bxc6	Rxc6	33	f4	Kf6	53			73		
14	Ne5	Rc1	34	Kf5	Kf5	54			74		
15	Ng4	Qb6	35	Kc3	e6	55			75		
16	Nxf6	Bxf6	36	Bc1	Be7	56			76		
17	Be3	Qxb2	37	Ba3	Bd6	57			77		
18	Qg4	Qb6	38	g3	h5	58			78		
19	Rfb1	Qa6	39	Bc1	Bxb4	59			79		
20	Qd7	Rfd8	40	Kd3	Be1	60			80		

SIGNATURE (WHITE) yang | SIGNATURE (BLACK) Tony | SIGNATURE (ARBITER)

B16-9-9

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group U16 | Round 9 | Date 29.8.26 | Board 9

WHITE Guo, Shanglin | FED CHN | RESULT (W) 1

BLACK Hein Myat Thu | FED MYA | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nf5	Bxe4	41			61		
2	Nf3	d6	22	Rxb8	Qxf5	42			62		
3	Bb5+	Nd7	23	Nxe4	Nxh3+	43			63		
4	c4	Ngf6	24	gxh3	Qxh3	44			64		
5	Nc3	e5	25	Nxf6+	gxf6	45			65		
6	0-0	a6	26	Qa8	e4	46			66		
7	Ba4	Be7	27	Bd1	Qd7	47			67		
8	a3	0-0	28	Qxe4	Kh8	48			68		
9	b4	bc	29	Bf4	Rg8+	49			69		
10	Rb1	Qc7	30	Bg3	Qh3	50			70		
11	d3	h6	31	Qh1		51			71		
12	h3	Bb7	32			52			72		
13	Ne1	Rad8	33			53			73		
14	Nc2	Nh7	34			54			74		
15	Ndf6+ Nd2	Bd2	35			55			75		
16	Ng5	Qb3	36			56			76		
17	Rb8	bxc5	37			57			77		
18	bxc5	Qb6	38			58			78		
19	Bd8	~~Qa7~~	39			59			79		
20	Qa7	Qc8	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B11-9-9

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group | Round 9 | Date | Board 9

WHITE | FED | RESULT (W) 1

BLACK Hein Myat Thu | FED MYA | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nf5	Bxe4	41			61		
2	Nf3	d6	22	Rb8	Qxf5	42			62		
3	Bb5+	Nd7	23	Nxe4	Nxh3+	43			63		
4	c4	Ngf6	24	gh	Qxh3	44			64		
5	Nc3	e5	25	Nxf6+	gf	45			65		
6	0-0	a6	26	Qa8	e4	46			66		
7	Ba4	Be7	27	Bd1	Qd7	47			67		
8	a3	0-0	28	Qxe4	Kh8	48			68		
9	b4	b6	29	Bf4	Rg8+	49			69		
10	Rb1	Qc7	30	Bg3	Qh3	50			70		
11	d3	h6	31	Qh1		51			71		
12	h3	Bb7	32			52			72		
13	Ne1	Rad8	33			53			73		
14	Nc2	Nh7	34			54			74		
15	Ne3	Ngf6	35			55			75		
16	Bd2	Ng4	36			56			76		
17	Qf3	Rb8	37			57			77		
18	bc	bc	38			58			78		
19	Qb6	Bf8	39			59			79		
20	Qa7	Qa8	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B16-9-W

11236

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: B16 | Round: 9 | Date: 8.29 | Board: 16

WHITE: Li Yucheng Robinson — FED: HKG — RESULT (W): 1

BLACK: Lin Fangming Matthew — FED: HKG — RESULT (B): 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nxf4	Qb7	41			61		
2	g3	Nc6	22	Nb2	Bd7	42			62		
3	Bg2	Nf6	23	a4	Bc8	43			63		
4	Ne2	g6	24	Nf4	Rd8	44			64		
5	c3	Bg7	25	Be1	Qc7	45			65		
6	d4	cd	26	Rb1	fe	46			66		
7	cd	d6	27	fe	Bb7	47			67		
8	0-0	0-0	28	Bb5	Rad8	48			68		
9	Nbc3	e5	29	h6	Qc8	49			69		
10	d5	Nbd8	30	Nxd5	Nf6	50			70		
11	b4	Nh5	31	Nb7	Qb7	51			71		
12	Be3	Nd7	32	a5	Qc8	52			72		
13	Qd3	h6	33	Qe4	Rd8	53			73		
14	Rfc1	g5	34	a6	Qa7	54			74		
15	b5	Bb7	35	axb2	Nxg4	55			75		
16	Nxf4	f5	36	b7	Rb8	56			76		
17	f3	Nc3	37	a7		57			77		
18	Nc5	bc	38			58			78		
19	Bf2	Qxb6	39			59			79		
20	Nc3	Bc8	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE): Robinson | SIGNATURE (BLACK): Matthew | SIGNATURE (ARBITER): Cai

B16-9-W

11236

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: B16 | Round: 9 | Date: 8.29 | Board: 16

WHITE: Robinson — FED: HKG — RESULT (W): 1

BLACK: Matthew — FED: HKG — RESULT (B): 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nxf4	Qb7	41			61		
2	g3	Nc6	22	Nb2	Be7	42			62		
3	Bg2	Nf6	23	a4	Bc8	43			63		
4	Ne2	g6	24	Nc4	Rd8	44			64		
5	c3	Bg7	25	Be1	Qc7	45			65		
6	d4	cd	26	Rb1	fe	46			66		
7	cd	d6	27	fe	Bb7	47			67		
8	0-0	0-0	28	Bg5	Rg8	48			68		
9	Nbc3	e5	29	b6	Qc8	49			69		
10	d5	Nbd8	30	Nxg6	Nf6	50			70		
11	b4	Nh5	31	Nb7	Qb7	51			71		
12	Be3	Nb7	32	a5	c4	52			72		
13	Qd3	b6	33	axc4	Rg8	53			73		
14	Rfc1	g5	34	a6	Qd7	54			74		
15	b5	Bb7	35	axe2	Nxg4	55			75		
16	Nxg4	f5	36	b7	Rb8	56			76		
17	f3	Nc5	37	a7		57			77		
18	Nc5	bc	38			58			78		
19	Bf2	Qxb6	39			59			79		
20	Nc3	Bg8	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE): Robinson | SIGNATURE (BLACK): Matthew | SIGNATURE (ARBITER): Cai

B16-9-11

1:36

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: B16 | Round: 9 | Date: 8-29-26 | Board: 11

WHITE	Demos, Jenci Rehann P.	FED	PHI	RESULT (W)	0
BLACK	Zhao, Tsz Ham	FED	HKG	RESULT (B)	1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	exf4	Ke7	41	Ra8 Rxa8	d7 Kc6	61	Kb3	Kc3
2	e3	d5	22	Re1	Nd7	42	Kc5 bc	a6	62	Kxa3	c2
3	f4	Bf5	23	Nxe4	Bxe4	43	Re7 Re7	Kd6	63	Kb4	c1=Q
4	Bd3	Ne4	24	Rxe4	Nb6	44	Re8 Re7	Nc6 Kc6	64	Kb3	Qb1
5	Nf3	e6	25	Rd1	Ra8	45	Re8 g4	Kxd7	65	Ka4	Kc3
6	0-0	h6	26	Re4	Rd7	46	Rxd5	Nxd8	66	Ka5	Qb5#
7	Bd2	g5	27	d6	cxd6	47	Kf2	Ke6	67		
8	Ne5	g4	28	exd6	Kf5	48	Ke3	Ke5	68		
9	Bxe4	dxe4	29	b4	Rc8	49	Ka3	Kf4	69		
10	Nxg4	Rg8	30	c5	Nd5	50	g5	hxg5	70		
11	Ne5	Qh4	31	g4	b6	51	hxg4	Kxg5	71		
12	Be1	Qf6	32	f5	Nc3	52	Ke4	Nb7	72		
13	c4	Qg7	33	fxe6	Kxe6	53	Kc3	K f4	73		
14	Bg3	f6	34	Re1	Kf7	54	Kc4	Ke4 Ke4	74		
15	Qh5	Kd8	35	Rf4	Kg7	55	Kc3	Nd6	75		
16	Ne3	fxe5	36	Rf5	Nxc2	56	Kc2	K e4	76		
17	fxe5	Be7	37	Rfe5	Nxe4	57	Ke2	c4	77		
18	d5	Qg5	38	Re7	Rxe7	58	Kc2	Nb5	78		
19	Qxg5	Bxg5	39	Rxe7	Kf6	59	Kd2	c3	79		
20	Bf4	Bxf4	40	Rc7	d7	60	Kc2	Nc3	80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) Zhao Tsz Ham | SIGNATURE (ARBITER)

B16-9-4

1:56

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: B16 | Round: 9 | Date: | Board: 4

WHITE	Demos, Jenci Rehann	FED	RESULT (W)	1.0
BLACK	ZHAO TSZ HAM	FED	RESULT (B)	0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Qf4	Ke7	41	d7	Bd7	61	Kc3	Kd3
2	e3	d5	22	Re1	Nd7	42	Ra7	Ke6	62	Kxa3	c2
3	f4	Bf5	23	Nf4	Re8	43	Rc7	Kd6	63	Kb4	c1=Q
4	Bd3	Nf4	24	Rxf4	Nd6	44	Rc8	Nc6	64	Kb3	Qb1
5	Nf3	e6	25	Rd1	Ra8	45	Nf4	Kd7	65	Ka4	Kc3
6	0-0	Nc6	26	Re4	Rd7	46	Rd8	Nd8	66	Ka5	Qb5#
7	Be2	g5	27	d6	cd6	47	Kf2	Ke6	67		
8	Nf5	g4	28	ed6	Ke5	48	Ke3	Ke5	68		
9	Be4	de4	29	b4	Rc8	49	Kd3	Kf4	69		
10	Ng4	Rg8	30	c5	Nb5	50	g5	hxg5	70		
11	Ne5	Qh4	31	g4	b6	51	hxg4	Kxg5	71		
12	Be1	Qf6	32	f5	Nc3	52	Ke4	Nb7	72		
13	c4	Qg7	33	fxe6	Kxe6	53	Kc3	K f4	73		
14	Bg3	f6	34	Re1	Kf7	54	Kc4	Ke4 Ke4	74		
15	Qh5	Kd8	35	Rf4	Kg7	55	Kc3	Nd6	75		
16	Nc3	fxe5	36	Rf5	Nxc2	56	Kc2	Ke4	76		
17	fxe5	Be7	37	Rfe5	Nxe4	57	Ke2	c4	77		
18	d5	Qg5	38	Re7	Re7	58	Kc2	Nb5	78		
19	Qxg5	Bxg5	39	Re7	Kf6	59	Kd2	c3	79		
20	Bf4	Bxf4	40	Rc7	d7	60	Kc2	Nc3	80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) ZHAO TSZ HAM | SIGNATURE (ARBITER)

B10 - 9 - 12

10:58

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B10 | Round 9 | Date | Board 12

WHITE Baasangombo Bayartogtokh | FED | RESULT (W) 1/2

BLACK Li Fei Yat | FED | RESULT (B) 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qd7	Rad8	41	Kf3	e5	61		
2	Bf4	Nf6	22	Qxd6	Rxd6	42	Rb6+	Ke7	62		
3	Nf3	Ne4	23	h4	axb4	43	dxe5	Rxa4	63		
4	e3	c6	24	cxb4	Ra8	44	gxf5	Rf4+	64		
5	Bd3	Nd7	25	b5	Ne8	45	Ke3	Re4+	65		
6	c3	Ndf6	26	Rc1	f6	46	Kf3	Rf4+	66		
7	Nd2	Bd6	27	Nc6	Kf7	47	Ke3	Re4+	67		
8	Bxd6	Qxd6	28	f4	g5	48			68		
9	Qe2	Nxd2	29	g3	Ng7	49			69		
10	Nxd2	c5	30	Kf2	Nf5	50			70		
11	0-0	cxd4	31	g4	Ne7	51			71		
12	exd4	0-0	32	Ke3	Nxc6	52			72		
13	Rfe1	b6	33	bxc6	Rc8	53			73		
14	Nf3	h6	34	c7	Rd7	54			74		
15	a4	a5	35	fxg5	hxg5	55			75		
16	Bb5	Ba6	36	Ra8	Bdxc7	56			76		
17	Bxa6	Rxa6	37	Rxc7	Rxc7	57			77		
18	Qd3	Ra8	38	Rxb6	Ra7	58			78		
19	Qb5	Ne8	39	Rb4	f5	59			79		
20	Ne5	Nc7	40	h3	Kf6	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

B10 - 9 - 12

10:58

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B10 | Round 9 | Date 2026.03.29 | Board 12

WHITE Baasangombo | FED HKG | RESULT (W) 1/2

BLACK Li Fei Yat | FED MGL | RESULT (B) 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qd7	Rad8	41	Kf3	e5	61		
2	Bf4	Nf6	22	Qxd6	Rxd6	42	Rb6	Ke7	62		
3	Nf3	Ne4	23	h4	a6	43	de	Rxa4	63		
4	e3	e6	24	c6	Ra8	44	gf	Rf4	64		
5	Bd3	Nd7	25	b5	Ne8	45	Ke3	Re4	65		
6	c3	Ndf6	26	Rec1	f6	46	Kf3	Rf4	66		
7	Nbd2	Bd6	27	Nc6	Kf7	47	Ke3	Re4	67		
8	Bxd6	cxd6	28	f4	g5	48			68		
9	Qc2	Nxd2	29	g3	Ng7	49			69		
10	Nxd2	c5	30	Kf2	Nf5	50			70		
11	0-0	cd	31	g4	Ne7	51			71		
12	ed	0-0	32	Ke3	Nxc6	52			72		
13	Rfe1	b6	33	bc	Rc8	53			73		
14	Nf3	h6	34	c7	Rd7	54			74		
15	a4	a5	35	fg	hg	55			75		
16	Bb5	Ba6	36	Ra8	Rxc7	56			76		
17	Bxa6	Rxa6	37	Rxc7	Rxc7	57			77		
18	Qd3	Ra7	38	Rxb6	Ra7	58			78		
19	Qb5	Ne8	39	Rb4	f5	59			79		
20	Ne5	Nc7	40	h3	Kf6	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)